

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Tháo, lắp, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong đợt sửa chữa định kỳ (Khu vực Nghiền liệu năm 2026).

Gói thầu số: 008/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026

Phát hành ngày: 21/01/2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thái Hưng

Handwritten initials/signature at the bottom right corner.

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu (BMT) là Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả (Công ty), áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu dự thầu) mời nhà thầu tham gia đấu thầu rộng rãi gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Tháo, lắp, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong đợt sửa chữa định kỳ (Khu vực Nghiền liệu năm 2026).

2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng Theo đơn giá cố định

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày (Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dùng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ), cộng thêm 30 ngày nghiệm thu, bàn giao).

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để xem xét xử lý. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt.

Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

 

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: Tài liệu về kỹ thuật của sản phẩm, tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh...

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.
2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu

không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **80 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: **séc, thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc nộp tiền mặt**

trước thời điểm đóng thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 22.700.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 110 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc

từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chi dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00 ngày 04 tháng 02 năm 2026.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có

chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 11 giờ 30' ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu tối đa 03 ngày làm việc tiếp theo *sau khi đóng thầu và phù hợp với quy định của QC MSTX*. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ,

năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT.
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.
- c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia/hệ thống mạng đấu thầu Viettel/khác (nếu có).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp

ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện bằng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Giá trị và nội dung bảo đảm theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng

Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; SĐT: 0967.910666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng
– Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh;
Ngô Xuân Hiệp - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản; sdt: 0984.666.367; địa chỉ email: Hiexpn2@viettel.com.vn.

Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình
–Chánh Văn Phòng; SĐT: 0965.136.188.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDT	01 bản gốc	
2	Đơn dự thầu	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày (Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ), cộng thêm 30 ngày nghiệm thu, bàn giao)	
		Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng/dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDT	Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Thành lập trước năm 2024 (thể hiện trong giấy phép

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
	chính.	ĐKKD) (Trong trường hợp liên danh, ít nhất một thành viên của liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).
1.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành một phần trong vòng 03 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): + Số lượng hợp đồng: có tối thiểu 01 hợp đồng, hợp đồng có nội dung: Gia công/tháo/lắp/bảo dưỡng thiết bị cơ khí + Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 1.057.600.000$ đồng. - Nhà thầu cung cấp bản sao của hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, hồ sơ nghiệm thu hoặc hồ sơ thanh lý để chứng minh (khi cần thiết, BMT có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, chứng minh). - Đối với Nhà thầu liên danh: số lượng hợp đồng chứng minh năng lực kinh nghiệm được tính bằng tổng số lượng hợp đồng hợp lệ của các thành viên liên danh (tương đương với phần công việc đảm nhận).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2024 tối thiểu là: 2.266.260.000 đồng. (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tối thiểu là: 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	<p>Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2024.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá: Sử dụng phương pháp đánh giá Đạt/Không đạt. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng không đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSMT.
2	Yêu cầu về cung cấp dịch vụ cụ thể	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về cung cấp dịch vụ cụ thể đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 1, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về cung cấp dịch vụ cụ thể không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 1, Mục 4, chương IV của HSMT.
3	Nhân lực thực hiện	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về nhân lực thực hiện đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 2, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Nhân lực thực hiện không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 2, Mục 4, chương IV của HSMT.
4	Thiết bị thi công	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thiết bị thi công đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 3, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Thiết bị thi công không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 3, Mục 4, chương IV của HSMT.
5	Giải pháp chống ô nhiễm môi trường.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Giải pháp chống ô nhiễm môi trường đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 4, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Giải pháp chống ô nhiễm môi trường không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 4, Mục 4, chương IV của HSMT.
6	Yêu cầu về an toàn lao động.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về an toàn lao động đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 5, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về an toàn lao động không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 5, Mục 4, chương IV của HSMT.
7	Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về phòng, chống cháy, nổ đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 6, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về phòng, chống cháy, nổ không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 6, Mục 4, chương IV của HSMT.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
8	Yêu cầu về bảo hành	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về bảo hành đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 7, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu đầy đủ hoặc nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về bảo hành không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 7, Mục 4, chương IV của HSMT.
9	Yêu cầu về điều kiện thanh toán	- Nội dung nêu, kê khai trong HSDT về điều kiện thanh toán đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 8, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu hoặc nội dung nêu, kê khai trong HSDT về điều kiện thanh toán không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 8, Mục 4, chương IV của HSMT.
10	Yêu cầu khác	- Nội dung nêu, kê khai trong HSDT về Yêu cầu khác đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 9, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu hoặc nội dung nêu, kê khai trong HSDT về Yêu cầu khác không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 9, Mục 4, chương IV của HSMT.
11	Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm	- Nội dung nêu, kê khai trong HSDT về Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 10, Mục 4, chương IV của HSMT.	- Không nêu hoặc nội dung nêu, kê khai trong HSDT về Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu nêu tại khoản 10, Mục 4, chương IV của HSMT.

MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ

Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất. Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (*HSDT có giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn

giá chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC.

Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu

nêu trong HSDT thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____

[Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** ___ *[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ___ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ *[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ___ *[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự đấu thầu rộng rãi để thực hiện gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu rộng rãi gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ *[Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên

thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh mở riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6
TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x5)
	Tổng cộng giá trị trước thuế				
	Thuế GTGT				
	Tổng cộng giá trị sau thuế				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Tháo, lắp, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong đợt sửa chữa định kỳ (Khu vực Nghiền liệu năm 2026);

- Số hiệu gói thầu: 008/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026.

- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh;

- Địa điểm thi công: **Khu vực Nghiền liệu - Nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Km6, QL 18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày (Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ), cộng thêm 30 ngày nghiệm thu, bàn giao).

- Nội dung dịch vụ: Gia công, tháo, lắp, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

- Nội dung dịch vụ Nhà thầu cung cấp: Nhân công; Vật tư phụ; Vật tư biện pháp; Máy móc phục vụ thi công...

- Thời gian dự kiến triển khai thực hiện dịch vụ: từ Quý I/2026. Bên mời thầu sẽ dừng Lò nung để thực hiện Sửa chữa định kỳ toàn Nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Từ ngày dừng lò sẽ thực hiện dịch vụ liên tục, thực hiện 03 ca, tối đa thời gian thực hiện dịch vụ là 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa. Trong quá trình thực hiện nội dung công việc của gói thầu, có hạng mục công việc sẽ thực hiện trước, có hạng mục công việc sẽ thực hiện sau tùy nhiên tiến độ, thời gian thực hiện từng hạng mục công việc sẽ do Bên mời thầu quyết định tại buổi họp giao ban sửa chữa đầu tiên và các buổi họp giao ban tiếp theo.

- Bên mời thầu không bố trí chỗ ăn, ở cho cán bộ công nhân viên của Nhà thầu. Chỉ bố trí mặt bằng tạm tập kết vật tư, máy móc thi công, điểm đấu nối điện, nước.

- Bên mời thầu sẽ thông báo trước cho Nhà thầu thời điểm dừng sửa chữa trước **05 ngày**. Trong vòng **03 ngày** trước thời điểm sửa chữa, Nhà thầu phải tập kết nhân lực, vật tư, máy móc thi công tại địa điểm thực hiện dịch vụ. Nhân lực của Nhà thầu sẽ được Bên mời thầu huấn luyện an toàn trong vòng **03 ngày** trước thời điểm bắt đầu sửa chữa.

- Đối với các máy móc, thiết bị phục vụ thi công nằm trong danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo quy định của Nhà nước thì Nhà thầu phải nộp giấy chứng nhận kiểm định (bản sao có chứng thực) còn hiệu lực.

- Toàn bộ nhân lực, máy móc, vật tư của Nhà thầu tham gia thực hiện dịch vụ

Handwritten signature and initials

khi ra, vào Nhà máy đều phải đăng ký tại các Công của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

- Nhà thầu tự thực hiện việc đăng ký tạm trú/tạm vắng cho nhân lực của Nhà thầu tại địa điểm Nhà thầu tập kết nhân lực.

- Khối lượng, số lượng công việc nêu trong gói thầu: là dự kiến khối lượng, số lượng công việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện có thể: tăng; giảm; không thực hiện; phát sinh khối lượng công việc mới tại khu vực thực hiện.

- Vật tư chính: là vật tư (thép hình/thép tấm phục vụ gia công, hàn vát, que hàn chịu nhiệt, que hàn chịu mài mòn) do Bên mời thầu cung cấp cho Nhà thầu để thực hiện dịch vụ.

- Ngoài vật tư chính bên mời thầu cung cấp thì vật tư phụ, vật tư biện pháp, máy móc thi công...và các chi phí khác Nhà thầu cung cấp và phân bổ hợp lý đảm bảo chi phí thực hiện dịch vụ.

- Bên mời thầu sẽ cung cấp điểm đấu nối điện thi công và cung cấp điện thi công trong quá trình thực hiện dịch vụ. Đề nghị Nhà thầu tính toán chi phí/giá cho từng máy thi công khi tham dự thầu đảm bảo đã giảm trừ tiền điện thi công và nhân công điều khiển máy (nếu có).

- Nhân công trực tiếp tham gia thực hiện gói thầu: có trình độ bậc nhân công 3/7 trở lên.

- Toàn bộ giá thi công do Nhà thầu cung cấp, Nhà thầu phải tính khấu hao, đơn giá vật tư biện pháp khấu hao không vượt quá mức khấu hao nêu trong khối lượng mời thầu.

Các nội dung nêu dưới đây được hiểu như sau: Bên A/Bên mua là Bên mời thầu; Bên B/Bên bán là nhà thầu.

Mục 2. Phạm vi cung cấp/thực hiện.

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

STT	Hạng mục	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	121HP01	Xử lý tấm lót trong hopper đá vôi bị mòn thùng	Công	40	
2	112BC02	Hàn tấm chắn liệu đầu băng tải đá vôi bị mòn	Công	40	
3	121WF02	Tháo phục hồi pully bị động cân băng sét	Công	10	
4	121AP01	Thay chốt, con lăn và má xích cấp liệu tấm, thay ray đỡ con lăn cấp liệu tấm, thay dao đánh tời sét	Công	40	

Handwritten signature

Handwritten signature

STT	Hạng mục	Tên công việc	DVT	Khối lượng	Ghi chú
5	121AP01	Tháo vòng bi, tháo nhông bị động	Tấn	8	
		Lắp vòng bi, đảo đầu và lắp nhông dẫn động	Tấn	8	
6	122CDP	Xử lý diêm bụi đường gió công nghệ	Công	100	
7		Bắc giáo, tháo lắp bảo ôn	100m ²	5	
8	122RF11	Hàn vá Roto van xoay	Công	10	
9	122RF11	Tháo thanh gạt liệu van xoay	Tấn	3	
		Lắp thanh gạt liệu van xoay	Tấn	3	
10	122RF11	Tháo vỏ + mặt bích van xoay	Tấn	19,5	
		Gia công, lốc vỏ van xoay (2955,21 x 2220 x 20, hardox 500, PL20, SL: 02)	Tấn	2,2	
		Lắp vỏ + mặt bích van xoay	Tấn	19,5	
11	122RM01	Hàn vá thành vách máy nghiền	Công	10	
12	122RM01	Tháo tấm lót thân máy nghiền	Tấn	4	
		Hàn vá, lắp tấm lót thân máy nghiền	Tấn	4	
13	122RM01	Tháo tấm lót côn thu máy nghiền	Tấn	4,5	
		Lắp tấm lót côn thu máy nghiền	Tấn	4,5	
14	122RM01	Tháo tấm chống mài mòn máng chute cấp liệu chính	Tấn	3,5	
		Lắp tấm chống mài mòn máng chute cấp liệu chính	Tấn	3,5	
15	122RM01	Tháo tấm hướng gió	Tấn	1,5	
		Lắp tấm hướng gió	Tấn	1,5	
16	122RM01	Tháo tấm lót bàn nghiền máy nghiền liệu	Tấn	26	
		Lắp tấm lót bàn nghiền máy nghiền liệu	Tấn	26	
17	122RM01	Tháo các tấm bảo vệ cổ con lăn máy nghiền	Tấn	2	
		Lắp các tấm bảo vệ cổ con lăn máy nghiền	Tấn	2	
18	122RM01	Tháo tấm bảo vệ con lăn	Tấn	2	
		Lắp tấm bảo vệ con lăn	Tấn	2	
19	122RM01	Tháo thế gạt làm kín cổ con lăn máy nghiền	Tấn	1,5	
		Lắp đặt gạt làm kín cổ con lăn máy nghiền	Tấn	1,5	
20	122RM01	Tháo stopper	Tấn	2	
		Hiệu chỉnh, lắp stopper	Tấn	2	

A

12/5

STT	Hạng mục	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
21	122RM01	Thay thế lưỡi dao gạt liệu hồi	Công	30	
22	122RM01	Tháo tấm lót máng chute chữ Y	Tấn	2	
		Lắp tấm lót máng chute chữ Y	Tấn	2	
23	122RM01	Thay thế khung dao gạt liệu hồi, thay thế bu long bắt khung dao gạt liệu hồi	Công	10	
24	122RM01	Bắc giáo, kiểm tra các vị trí bọc bảo ôn thân máy nghiền và các đường ống gió công nghệ	Công	30	
25	122CDP01	Bắc giáo kiểm tra các cyclone lắng, thay thế các tấm lót ở bên trong bị mòn	Công	50	
26	141CT01	Thay thế, cải tiến phần đáy tháp điều hòa bị mòn thùng bằng vật liệu SUS304	Công	60	
27	121MS01	Phục hồi thiết bị tách từ (Thay gối, pully, con lăn ...)	Công	20	
28	122DG01/0 2	Tháo van hai ngã	Tấn	2,5	
		Sửa chữa, lắp van hai ngã	Tấn	2,5	
29	121BC01/0 2/03	Hàn vá các phễu chute	Công	30	
30	122EP01	Thay thế, Căn chỉnh tấm cực thu, cực phóng buồng 2, 3	Công	20	
31	122EP01	Tháo và cắt các tấm cực thu bị cong vênh, búa gỗ, đe búa gỗ, tháo các cực phóng (buồng số 2,3), khung chia gió ...	Tấn	5	
		căn chỉnh sửa các tấm cực thu bị cong vênh, căn chỉnh búa gỗ, đe búa gỗ, các cực phóng (buồng số 2,3), khung chia gió ...	Tấn	5	
32	122SR01	Tháo cánh tĩnh phân ly bị thủng	Tấn	6	
		Lắp cánh tĩnh phân ly	Tấn	6	
33	122CV01,0 2,03,04	Thay thế ray dẫn hướng xích cào	Công	30	
34	122AS11,2 1,31	Vệ sinh thay mới các gioăng cao su làm kín	Công	6	
35	122AS11,2 1,31	Tháo bạt air slide	Tấn	7,5	
		Lắp mới bạt air slide	Tấn	7,5	
36	131AS01, 131PCD01	Tháo bạt air slide	Tấn	3	
		Lắp mới bạt air slide	Tấn	3	
37	VP NL	Thay thế đường ống nước trước cửa VP (F273, 12m)	Công	5	

Nhà thầu tính toán tất cả các chi phí, thuế GTGT và các chi phí khác có liên

16/4

quan và phân bổ chi phí vào từng nội dung công việc nêu trên.

Các phần việc tính theo công: Nhà thầu tự cung cấp nhân sự (nhân sự bậc 4,5/7 trở lên), vật tư phụ, máy móc, biện pháp thi công để thực hiện nội dung công việc.

Mục 3. Thời gian, tiến độ và địa điểm thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày (Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ), cộng thêm 30 ngày nghiệm thu, bàn giao).

- Tiến độ thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ).

- Địa điểm thực hiện: Khu vực Nghiền liệu - Nhà máy Xi măng Cẩm Phả. Km6, QL 18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

Mục 4. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Yêu cầu về cung cấp dịch vụ cụ thể

Gói thầu phục vụ việc sửa chữa các hỏng hóc, sửa chữa định kỳ các thiết bị trong Nhà máy nên để có cơ sở đánh giá chất lượng dịch vụ dự kiến Nhà thầu cung cấp, Bên mời thầu đề nghị Nhà thầu nghiên cứu “danh mục dịch vụ nêu tại Hạng mục 122 RM01”, đề xuất cụ thể các biện pháp thực hiện từng nội dung trong danh mục dịch vụ tại Hạng mục 122 RM01 theo các nội dung như sau:

- Biện pháp đảm bảo sẵn sàng cung cấp vật tư phụ, vật tư biện pháp.
- Biện pháp đảm bảo cung cấp sẵn sàng máy móc/thiết bị thi công.
- Biện pháp vận chuyển (ngang và lên cao).
- Biện pháp Bắc giàn giáo thi công (nếu có).
- Biện pháp tháo dỡ.
- Biện pháp gia công thiết bị tại vị trí thi công; Biện pháp gia công thiết bị tại vị trí tập kết của Nhà thầu.
- Biện pháp lắp lại thiết bị.
- Biện pháp tháo giàn giáo thi công (nếu có).
- Biện pháp thu dọn mặt bằng thi công
- Biện pháp chạy thử thiết bị sau khi sửa chữa xong.

2. Nhân lực thực hiện

- Nhà thầu lập, gửi danh sách nhân sự khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng (Toàn bộ bậc thợ từ 3/7 trở lên đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu). Nhân sự đảm bảo phù hợp phần công việc thực hiện.

- Cam kết trong HSDT đảm bảo tối thiểu nhân lực trực tiếp tham gia thực hiện gói thầu khi cần theo yêu cầu như sau:

- + Chỉ huy trưởng: 01 người.
- + Cán bộ phụ trách kỹ thuật Phần cơ khí: 03 người.

16/5

- + Cán bộ phụ trách phân điện: 02 người.
- + Cán bộ phụ trách an toàn: 01 người.
- + Công nhân cầu; chuyên: 10 người.
- + Công nhân hàn điện: 10 người.
- + Công nhân hàn hơi: 6 người.
- + Công nhân lắp máy: 50 người.
- + Công nhân tham gia các công việc còn lại: 15 người.

- Trong mọi trường hợp Nhà thầu cam kết đảm bảo đủ nhân lực, vật tư, máy móc thực hiện công việc sửa chữa hỏng hóc đột xuất bất cứ khi nào Bên mời thầu yêu cầu. Trong quá trình thực hiện, Nhà thầu có quyền đề xuất thay đổi, Bên mời thầu chỉ quan tâm đảm bảo số lượng nhân lực yêu cầu cho từng vị trí công việc nêu trên

3. Thiết bị thi công

Cam kết trong HSDT đảm bảo tối thiểu thiết bị thi công như sau:

- Cầu các loại (Cầu $\geq 50T$; Cầu $\geq 25T$; Cầu tự hành 10 tấn; Cầu tự hành 7 tấn): mỗi loại 01 Cầu.

- Xe ô tô tải các loại: 02 xe.
- Pa lăng các loại: 15 cái.
- Máy hàn các loại: 12 cái.
- Kịch các loại: 15 cái.
- Các máy còn lại: máy xiết bu lông, máy cắt plasma, máy cưa, máy mài, máy tazo, máy đục bê tông.....: 10 cái.

4. Giải pháp chống ô nhiễm môi trường

Nêu cụ thể và đưa vào HSDT giải pháp chống ô nhiễm môi trường về các nội dung cơ bản như sau:

- Giữ gìn vệ sinh và an toàn lao động.
- Chống bụi, vật rơi từ trên cao.
- Chống ồn rung động quá mức.
- Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng.
- Quản lý chất thải.

5. An toàn lao động

Nêu trong HSDT giải pháp an toàn lao động về các nội dung sau:

- Trang bị bảo vệ cá nhân.
- Giải pháp về an toàn về điện, bốc xếp, vận chuyển, sử dụng dụng cụ cầm tay, máy thi công, lắp dựng tháo dỡ giàn giáo, công tác tháo, lắp các cấu kiện.

6. Phòng chống cháy nổ

Nêu trong HSDT giải pháp phòng chống cháy nổ về các nội dung sau:

- Giải pháp phòng cháy
- Giải pháp chữa cháy khi có sự cố.

7. Bảo hành

Nội dung đề xuất về bảo hành trong HSDT của Nhà thầu đảm bảo các nội dung như sau:

- Bảo hành: tối thiểu **06 tháng** kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá **05%** tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu **07 tháng** kể từ ngày phát hành chứng thư (*nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng*).
- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hạng mục công việc sửa chữa.
- Thời gian có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật: không chậm hơn 24 tiếng đơn vị bảo hành phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật. Thời gian được tính kể từ khi đơn vị sử dụng hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng Fax, email, điện thoại cho nhà thầu (nhà thầu cung cấp địa chỉ liên lạc).
- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

8. Điều kiện thanh toán.

Thanh toán 100% giá trị nghiệm thu bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng **120 ngày** kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc đưa vào sử dụng, ký biên bản thanh lý Hợp đồng và Bên A nhận được đủ các chứng từ thanh toán như sau:

- Công văn đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.
- Hồ sơ nghiệm thu theo mẫu Bên A.
- Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán (Theo mẫu Bên A).
- Bảo lãnh bảo hành (*hình thức: thư bảo lãnh của ngân hàng; giá trị: bằng 5% tổng giá trị quyết toán; thời hạn: Thời hạn tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng)*).
- Thanh lý Hợp đồng.

9. Yêu cầu khác

Cam kết và đưa vào HSDT:

- Làm việc 3 ca theo đúng thời gian làm việc của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.
- Việc sửa chữa, thay thế mới các chi tiết không làm sai lệch so với thông số thiết kế ban đầu của thiết bị.
- Thiết bị sau sửa chữa phải hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, chất lượng của thiết bị sau sửa chữa.
- Đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc được giao trong đợt sửa chữa.
- Huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vào làm việc.

Handwritten signature or mark

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dụng cụ lao động và thẻ ra, vào nhà máy cho người lao động.

- Bên B phải bảo đảm an toàn giao thông; bảo đảm an toàn, phòng chống cháy, nổ; ứng phó với các sự cố bất khả kháng (thiên tai lũ lụt, bão gió, công việc phát sinh đột xuất ...vv) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện gói thầu.

- Bên B tuân thủ nghiêm nội quy, quy định về an toàn lao động của bên A. Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn với người lao động theo pháp luật lao động, chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn lao động. Nếu xảy ra những việc ngoài ý muốn, thương vong đều không liên quan đến Bên A.

10. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Các bên căn cứ tính chất công việc lựa chọn các loại biên bản cho phù hợp.

Cách thức giao việc/nghiệm thu khối lượng:

10.1. Mẫu biểu Hồ sơ nghiệm thu:

- Hai bên cùng thống nhất Hồ sơ nghiệm thu công việc theo mẫu Bên A ban hành gồm: Biên bản khảo sát – Bàn giao thiết bị (**BB 01**); Nhật ký thi công (**BB 02**); Biên bản kiểm tra vật tư, thiết bị, máy móc trước khi đưa vào thực hiện công việc (**BB 03**); Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh (**BB 04**); Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị đơn động/liên động không tải (**BB 05**); Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị liên động có tải (**BB 06**); Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (**BB 07**); Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc đưa vào sử dụng (**BB 08**).

10.2. Cách ghi Hồ sơ nghiệm thu:

- Tại biên bản khảo sát thiết bị - Bàn giao thiết bị (**BB 01**):

+ Về quy mô và nhiệm vụ khảo sát: phải nêu rõ quy mô, nhiệm vụ khảo sát.

+ Về tình trạng thiết bị sau khảo sát: phải nêu rõ tình trạng thiết bị sau khảo sát (đối chiếu với nhiệm vụ khảo sát), đánh giá rõ ràng về tình trạng thiết bị.

+ Về nội dung công việc dự kiến sau khảo sát: phải ghi rõ công việc dự kiến làm, từng nội dung công việc cụ thể triển khai mà trong biện pháp thi công tổng thể không thể hiện hết, cách thức nghiệm thu (nghiệm thu theo “Công” hay theo “đầu tấn” thiết bị), sử dụng vật tư gì để thi công (vật tư A cấp, vật tư B cấp, vật tư biện pháp), sử dụng máy móc để thi công (máy móc B cấp, máy móc A cấp), lập bản vẽ hoàn công (trường hợp không lập phải nêu rõ lý do).

- Tại Nhật ký thi công (**BB 02**): phải ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu Bên A, nội dung ghi phải phản ánh được biện pháp thi công công việc, cách thức nghiệm thu khối lượng công việc (nghiệm thu theo “Công” hay theo “đầu tấn” thiết bị), cơ sở tính toán nghiệm thu.

- Tại các Biên bản: “**BB 03; BB 04; BB 05; BB 06; BB 07; BB 08**” phải ghi đầy đủ nội dung theo Mẫu của Bên A.

10.3. Nghiệm thu khối lượng nhân công:

18/5

- Nghiệm thu nhân công thực tế: hai bên thống nhất các nội dung nghiệm thu và đưa vào BB 01. Căn cứ theo các nội dung đã ghi trong BB 02 để tính toán khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

- Nghiệm thu nhân công theo đầu tầu: hai bên thống nhất các nội dung nghiệm thu và đưa vào BB 01. Căn cứ theo: "(1) thực tế công việc đã thực hiện; (2) các nội dung ghi trong BB 02; (3) Tài liệu kỹ thuật và bản vẽ hoàn công (nếu có)" để tính toán khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

11. Khảo sát hiện trường

Đề xuất Nhà thầu nghiên cứu, kiểm tra kỹ các nội dung trong HSMT và thực hiện khảo sát hiện trường trước khi nộp bản HSDT.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

1. Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ mua clinker/xi măng.

- Thanh toán 100% giá trị nghiệm thu bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc đưa vào sử dụng, ký biên bản thanh lý Hợp đồng và Bên A nhận được đủ các chứng từ thanh toán như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.
- + Hồ sơ nghiệm thu theo mẫu Bên A.
- + Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán (Theo mẫu Bên A).
- + Bảo lãnh bảo hành (*hình thức: thư bảo lãnh của ngân hàng; giá trị: bằng 5% tổng giá trị quyết toán; thời hạn: Thời hạn tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành (nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng).*)
- + Thanh lý Hợp đồng.
- + Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

2. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 120 ngày (Theo tiến độ yêu cầu cung cấp dịch vụ trong vòng 90 ngày (thực hiện dịch vụ trong vòng 15 ngày kể từ ngày dừng Lò nung thực hiện sửa chữa định kỳ), cộng thêm 30 ngày nghiệm thu, bàn giao).

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực tối thiểu bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày kể từ ngày mở bảo đảm.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành

4. Bảo hành

- Bảo hành: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Hình thức Bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 05% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 07 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư (*nhưng không trước ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng*).
- Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào nhà thầu phải sửa chữa lại, đảm bảo

yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hạng mục công việc sửa chữa.

- Thời gian có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật: không chậm hơn 24 tiếng đơn vị bảo hành phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật. Thời gian được tính kể từ khi đơn vị sử dụng hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng Fax, email, điện thoại cho nhà thầu (nhà thầu cung cấp địa chỉ liên lạc).

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, bên mời thầu buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.